

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 5 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên cán bộ hội phụ nữ thành phố Biên Hòa

2/ Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Ông Bùi Văn Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2257/2020/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 30/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Nhà không số, ấp Phú Mỹ 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Công T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: tổ 7, khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2002, đã được UBND phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01 vào ngày 12/4/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn thương yêu lẫn nhau. Mặc dù, bà H và ông T đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà H

nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà vẫn cương quyết ly hôn ông T.

Về con chung và cấp dưỡng: Có 01 con chung là cháu Lê Anh Kh, sinh ngày 22/01/2007. Ly hôn, bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và tạm thời không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông T trình bày:

Do ông T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Tòa án đã xác định đúng và đầy đủ. Về thủ tục tố tụng được Tòa án tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hạnh.

Về con chung: Hiện tại con chung của đương sự là cháu Kh do bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu có nguyện vọng được ở với bà H. Để bảo đảm cuộc sống ổn định cho cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Kh cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H khai không có nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Công T cư trú tại tổ 7, khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hôn nhân giữa bà H và ông T là tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01 vào ngày 12/4/2006 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Cuộc sống chung giữa bà H và ông T không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tôn trọng nhau dẫn đến xung đột thường xuyên, vợ chồng đã mâu thuẫn gay gắt trong thời gian dài. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T lên Tòa án để làm việc, hòa giải nhưng ông T vắng mặt. Như vậy, ông T đã bỏ mặc hôn nhân không có ý định hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà H. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương được cung cấp thông tin

tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn. Căn cứ khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác nhận các tình tiết này là sự thật và xác định, tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về quyền nuôi dưỡng con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là cháu Lê Anh Kh, sinh ngày 22/01/2007. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của bà H là chính đáng. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của cháu được ổn định, việc xem xét để ai trực tiếp nuôi con cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Hiện nay, cháu Kh đã trên 7 tuổi và hiện nay đang sinh sống cùng với bà H, nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với bà H. Do vậy, Để bảo đảm sự ổn định trong sinh hoạt, học tập, tâm sinh lý cũng như sự phát triển của con trẻ nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao cháu Kh cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản: Nguyên đơn khai không có và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ ai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007141 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hồng H.

Bà Huỳnh Thị Hồng H được ly hôn ông Lê Công T.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Anh Kh, sinh ngày 22/01/2007 cho bà Huỳnh Thị Hồng H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông T có quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007141 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

6/ Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- UBND phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Xuân Hương

